

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 02 - 7 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Bê.

2. Anh Nguyễn Hữu Trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 946/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 106/2D, tổ 18, khu 3, ấp 7, xã A, huyện L, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đinh TR, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 106/2D, tổ 18, khu 3, ấp 7, xã A, huyện L, Đồng Nai.

(Chị L đề nghị xét xử vắng mặt, anh TR vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TR tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã A. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được hai năm đầu, đến năm thứ ba đến nay thì thường xuyên cãi nhau và đánh đập chị và con riêng của chị vô cớ, chị đã báo với Công an xã, Công an đã mời anh TR đến làm việc. Mâu thuẫn là do anh TR thường xuyên không đi làm, cờ bạc, gây nợ nần nhiều nên anh về nhà kiếm chuyện lấy xe đi cầm để lấy tiền trả nợ. Anh TR cam kết nhưng không thay đổi. Nay chị không thể chịu đựng được nữa. Anh chị đã ly thân từ tháng 1 năm 2020 đến nay. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn vào khoảng tháng 4 năm 2019 để tạo cơ hội cho anh TR thay đổi, do anh TR hứa thay đổi nhưng nay anh TR vẫn không thay đổi. Nay chị xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn thương yêu nhau nữa, không thể sống

chung được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TR. Chị đề nghị Tòa án không hòa giải nữa vì chị không thể sống chung được nữa, chị cương quyết xin ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh TR trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất với lời trình bày của chị L. Về mâu thuẫn: Anh chị vẫn sống rất hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến khi sống ly thân nhau. Từ tháng 8 năm 2019 anh làm ăn thua lỗ cho nên phải đi làm ăn xa để trả nợ, không giúp được gì cho vợ và lâu lâu mới về thăm vợ cho nên có nảy sinh bất đồng nhỏ. Khi đi xa, anh rất nhớ chị L. Anh chị thỉnh thoảng có cãi nhau, khi bực tức thì anh có đá và tát chị L. Vợ chồng cãi nhau thì chị L báo Công an xã rồi Công an có mời anh đến làm việc nhưng anh không có lỗi. Có một thời gian anh không có việc làm do công việc của anh là phụ hồ. Anh có nợ người khác nhưng đó là nợ riêng của anh, anh tự chịu. Anh không biết chị L nộp đơn xin ly hôn vào tháng 4 năm 2019 nhưng sau khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh có nói với chị L là xin lỗi chị L. Anh chị đã ly thân từ tháng 1 năm 2020 đến nay do vợ chồng bất đồng, chị L đến nhà chị gái ở, anh có gọi điện nhưng chị L không về. Nay anh thấy vẫn còn tình cảm, còn yêu thương chị L, không có lý do gì mà anh phải ly hôn vợ nên chị L xin ly hôn, anh không đồng ý.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện chị L và anh TR là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, không hàn gắn được. anh TR thừa nhận lúc cãi nhau có tát và đá chị L. Chị L đã bỏ về nhà chị gái sinh sống từ tháng 01 năm 2020 và anh chị sống ly thân từ đó đến nay, anh TR có gọi điện nhưng chị L không về. anh TR không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ. Tuy nhiên, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh TR vẫn không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị L được ly hôn với anh TR. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. anh TR đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh TR vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L, anh TR.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh TR có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41/2014, ngày 20/3/2014, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đều xác định có xảy ra cãi vã, anh TR có đá và tát chị L và chị L có báo Công an xã A. Như vậy anh TR đã có hành vi bạo lực gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 1 năm 2020 đến nay. Xét việc anh TR vắng mặt trong các phiên tòa xét xử thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị L nữa. Như vậy, giữa chị L và anh TR không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị L và anh TR.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị L, anh TR và kết quả xác minh tại địa phương, anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L khai không có, còn anh TR không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh TR khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Đinh TR, cho ly hôn giữa chị L và anh TR.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002870 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị L, anh TR được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã A.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa